

Bản án số: 31/2023/HS-PT

Ngày 30 - 9 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Hiếu.

*Các Thẩm phán:* Bà Điều Thị Kim Liên, ông Đinh Huy Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy, ông Hoàng Mạnh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 43/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo Mùi Văn T do có kháng cáo của bị cáo Mùi Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2023/HS-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Mùi Văn T;** Sinh ngày 11/10/1980 tại xã CV, huyện BY, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu 1, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 25-QĐ/UBND THU ngày 26/7/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy BY), đoàn thể: Đoàn viên Công đoàn cơ sở Trung tâm truyền thông văn hóa huyện BY; Con ông: Mùi Văn TH (Mùi Xuân TH), sinh năm 1946 và bà Mùi Thị P, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Đinh Thị AT; sinh năm 1986 và có 02 (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011), hiện nay đều cư trú tại Tiểu khu 1, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 19/7/2021 đến ngày 15/6/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo Mùi Văn T:** Ông Vũ Đức TH - Luật sư Văn phòng Luật sư Thăng Long HN, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

**Nguyên đơn dân sự:** Ông Nguyễn Xuân T1; Sinh năm 1976; Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Đinh Thị AT (vợ bị cáo T); sinh năm 1986; Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Ông Mùi Văn Đ; sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản V, xã CV, huyện BY, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

Bà Mùi Thị B; sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản V, xã CV, huyện BY, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

**Người làm chứng:** Ông Nguyễn Xuân T2; Sinh năm 1980; Địa chỉ: Tiểu khu PB2, thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/01/2018, Mùi Văn T nhờ vợ chồng anh Mùi Văn Đ, chị Mùi Thị B (anh Đ là anh trai họ của T) đứng tên trong hợp đồng mua 01 chiếc xe ô tô bán tải, nhãn hiệu ISUZUDMAX tại cửa hàng xe ô tô VH, HD, HN giá 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng) với hình thức trả góp. Sau khi thanh toán 30% giá trị xe ô tô và lấy hồ sơ của chiếc xe về, Mùi Văn T làm thủ tục và được cấp Giấy đăng ký xe ô tô số 013203 mang tên Mùi Văn Đ, biển số 26C-007.85. Sau khi có Giấy đăng ký xe ô tô, Mùi Văn T dùng điện thoại di động của mình chụp ảnh 02 mặt của giấy đăng ký, đến chiều ngày 29/01/2018, T nhờ người khác in ra một bản có màu với mục đích ban đầu là làm giả để lưu hành cùng chiếc xe ô tô tham gia giao thông (người in ảnh không xác định được). Ngày 31/01/2018, Mùi Văn T cùng với vợ là Đinh Thị AT trực tiếp mang giấy đăng ký gốc của xe ô tô đến Ngân hàng VPBank, tòa nhà số 34, phố HBT, quận HK, thành phố HN giao Giấy đăng ký gốc cho Ngân hàng để làm thủ tục thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26C-077.85 vay số tiền 545.000.000 đồng với mục đích mua xe ô tô. Sau khi làm thủ tục thế chấp xong, chiều cùng ngày T cùng vợ đến cửa hàng ô tô VH, HD, HN làm thủ tục nhận xe, T cùng vợ đưa xe ô tô biển kiểm soát 26C-077.85 về thị trấn BY sử dụng. Khoảng một tuần sau đó, Ngân hàng VPBank gửi cho Mùi Văn T 01 bản photo công chứng Giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 26C-077.85 để T làm giấy lưu hành xe ô tô khi tham gia giao thông.

Đến tháng 9/2019 vợ chồng Mùi Văn T tham gia đấu thầu đất trụ sở cũ Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện BY. Đến tháng 01/2020 do không đủ tiền để thanh toán trúng thầu đất, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Xuân T2 để hỏi vay tiền của anh T2, được anh T2 đồng ý T đã mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26C-077.85 cùng Giấy đăng ký xe ô tô giả, giấy đăng kiểm, giấy bảo hiểm đến cầm cố cho anh T2, đến nơi anh T2 kiểm tra các giấy tờ trên

xong đưa cho T cất vào cốp xe ô tô biển kiểm soát 26C-077.85, T không cho anh T2 biết Giấy đăng ký xe là giả, sau đó anh T2 cho T vay số tiền 300.000.000 đồng, việc vay tiền không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, T hẹn khoảng 02 tuần sau sẽ trả lại tiền vay cho anh T2. Số tiền này, T sử dụng vào việc trả tiền trúng đấu thầu đất. Được khoảng một tuần sau, T tiếp tục đến vay anh T2 thêm số tiền 80.000.000 đồng và cũng không làm giấy tờ, số tiền này T sử dụng vào việc cá nhân hết.

Đến đầu tháng 3/2020 do không có tiền trả nợ cho anh T2, T gọi điện thoại cho anh Nguyễn Xuân T1 trao đổi, muốn bán chiếc xe ô tô cho anh T1, đến sáng ngày 16/3/2020, T đi ra quán Trung Nguyên của anh T1 ở tiểu khu PB2, thị trấn BY, T và anh T1 cùng ngồi bàn bạc thống nhất giá mua bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26C-077.85 là 430.000.000 đồng. Sau khi thống nhất được với anh T1, T gọi điện thoại cho anh T2 bảo anh T2 lái xe ô tô biển kiểm soát 26C-077.85 ra quán Trung Nguyên để T bán lấy tiền trả nợ cho anh T2. Khoảng 30 phút sau anh T2 điều khiển chiếc xe ô tô đến quán Trung Nguyên, anh T1 ra kiểm tra xe và hỏi T giấy tờ xe, T nói ở trong cốp xe. Anh T1 mở cốp xe ô tô lấy ra 01 Giấy đăng ký xe ô tô số 012203 mang tên Mùi Văn Đ (giấy đăng ký giả), 01 giấy đăng kiểm, 01 giấy bảo hiểm đem vào quán để kiểm tra (đây là những giấy tờ T đã dùng để cầm cố với T2), thấy đăng ký mang tên Mùi Văn Đ, anh T1 hỏi “Tại sao đăng ký mang tên Đ”, T nói “do là cán bộ thường vụ quản lý, phải kê khai tài sản nên không thích mới nhờ Đ đứng tên hộ”, anh T1 tiếp tục hỏi “xe có nợ nần, tranh chấp với ai không?”, T nói dối là “Xe em mua trả thẳng, đăng ký đầy đủ, không nợ nần gì”. Lúc này anh T1 yêu cầu T nói với anh Điều sau này lên ký giấy tờ để làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau khi kiểm tra giấy tờ, T1 thấy giấy đăng kiểm, giấy bảo hiểm quá hạn nên yêu cầu T trả chi phí này 5.000.000 đồng để anh T1 đi đăng kiểm lại, mua giấy bảo hiểm, T đồng ý. T thống nhất với anh T2, trả nợ cho anh T2 số tiền T vay là 380.000.000 đồng, thêm 3.000.000 đồng tiền lãi, anh T2 đồng ý. T trao đổi thống nhất với T1 và anh T2, số tiền bán xe anh T1 trả cho anh T2 383.000.000 đồng, sau khi trừ tiền trả cho anh T2, tiền đi đăng kiểm, mua bảo hiểm, còn thừa 42.000.000 đồng, anh T1 đưa cho T, T đếm nhận đủ tiền xong anh T1 làm giấy tờ mua bán xe và cùng ký vào giấy mua bán rồi T đi về.

Ngày 17/3/2020 anh T1 mang chiếc ô tô biển kiểm soát 26C – 077.85 đi đăng kiểm lần thứ nhất và sử dụng xe ô tô phục vụ công việc gia đình. Đến ngày 15/3/2021 anh T1 mang xe đi đăng kiểm lần thứ hai, sau khi đăng kiểm xong, nhân viên kiểm định nói với anh T1 là nghi ngờ giấy đăng ký xe ô tô là giả. Khi về đến nhà, anh T1 tìm gặp T để hỏi thì T đã thừa nhận đăng ký xe ô tô mà bị cáo đưa cho anh T1 là đăng ký giả. Khi biết việc này, anh T1 đã yêu cầu T mua lại chiếc xe ô tô với số tiền 430.000.000 đồng hoặc cung cấp giấy đăng ký gốc của xe ô tô cho anh T1. Đến khoảng cuối tháng 4/2021, anh T1 gọi điện thoại trao đổi với T giải quyết việc mua bán chiếc xe ô tô, T nói nhất trí mua lại chiếc xe ô tô với giá 380.000.000 đồng nhưng anh T1 không đồng ý bán với giá này, lúc này T yêu cầu anh T1 tự trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng VPBank theo hợp

đồng T thế chấp chiếc xe, anh T1 không đồng ý. Sau đó T không mua lại chiếc xe cùng không lấy giấy đăng ký xe gốc cho anh T1. Đến ngày 08/6/2021, anh T1 đã tố giác hành vi của Mùi Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BY đề giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án:

Thu giữ của ông Nguyễn Xuân T1: 01 xe ô tô bán tải, nhãn hiệu ISUZUDMAX, biển kiểm soát 26C – 077.85 cùng chìa khóa điện của xe; 01 giấy mua bán xe ghi ngày 16/3/2020; 01 giấy bán, cho, tặng xe ghi ngày 16/3/2020; 01 giấy đăng ký xe ô tô số 013203 ngày 29/01/2018 mang tên Mùi Văn Đ; 01 điện thoại Iphone 8 plus.

Thu giữ của Mùi Văn T: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 012203 của xe ô tô biển kiểm soát 26C – 077.85, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 29/01/2018; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh dương, loại máy Galaxy A50; 02 sim di động mạng Viettel, sim 01 có số thuê bao 0985.666.157, sim 02 có số thuê bao 0977.001.669.

Ngày 30/6/2021, Phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La có bản kết luận giám định số 1218, kết luận giấy đăng ký số 013203, biển kiểm soát 26C – 077.85 mang tên Mùi Văn Đ cấp ngày 29/01/2018 (thu giữ từ Nguyễn Xuân T1 giao nộp) là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Tại kết luận định giá số 556/BB-ĐGTS, ngày 15/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện BY định giá trị giá chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26C – 077.85 là 454.250.000 đồng.

Ngày 29/9/2021, Phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La có bản kết luận giám định số 1588, kết luận: Chữ ký và chữ viết của Nguyễn Xuân T1 với chữ viết và chữ ký trong các tài liệu cần giám định (hợp đồng mua bán xe ô tô, giấy bán xe, giấy bán, cho, tặng xe) do cùng một người viết và ký ra; Chữ ký của Mùi Văn T với chữ ký Mùi Văn T trong các tài liệu gửi giám định do cùng một người ký ra.

Ngày 02/11/2021, Viện khoa học hình sự Bộ Công an có bản Kết luận giám định số 7407/C09-P6, kết luận: Tập ghi âm gửi giám định (file âm thanh do Nguyễn Xuân T1 cung cấp) không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung; Toàn bộ nội dung trong các cuộc hội thoại đã được dịch thành văn bản (Có văn bản kèm theo).

Đối với vợ chồng ông Mùi Văn Đ, bà Mùi Thị B là người nhà của Mùi Văn T, T đã nhờ ông Điều, bà Thao đứng tên trong hợp đồng mua xe ô tô, hợp đồng thế chấp xe ô tô với Ngân hàng và giấy tờ liên quan. Việc bị cáo Mùi Văn T sử dụng đăng ký xe giả, mua, bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26C – 077.85 ông Điều, bà Thao không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên không đề cập đến việc xử lý.

Đối với Đinh Thị AT (vợ bị cáo Mùi Văn T), việc Mùi Văn T làm giấy tờ đăng ký xe ô tô giả, bà Tuyết không biết, không tham gia vào các giao dịch vay mượn tiền, mua bán xe của Mùi Văn T với ông Nguyễn Xuân T2, Nguyễn Xuân

T1. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với Đinh Thị AT.

Đối với Ngân hàng VPBank (Ngân hàng Việt Nam thịnh vượng), trong thời gian thế chấp, ngày 16/3/2021, Mùi Văn T đã tự ý bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 26C – 077.85 cho anh Nguyễn Xuân T1 là vi phạm hợp đồng, hợp đồng thế chấp ghi rõ bên thế chấp không được bán, trao đổi, tặng cho... trừ T2 hợp được bên Ngân hàng đồng ý. Tuy nhiên, đến ngày 25/6/2021 bị cáo T đã tất toán xong các nghĩa vụ trong Hợp đồng thế chấp xe ô tô với ngân hàng, không còn nợ Ngân hàng VPBank, do đó ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự đối với Mùi Văn T.

Đối với ông Nguyễn Xuân T2 là người cho Mùi Văn T vay tiền, T có cầm cố chiếc xe ô tô cùng giấy tờ xe cho ông T2, sau đó T đã bán chiếc xe cho ông Nguyễn Xuân T1 và trả toàn bộ số tiền vay nợ cho ông T2, ông T2 không có yêu cầu, đề nghị gì đối với Mùi Văn T.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Mùi Văn T phạm tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt bị cáo Mùi Văn T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn tính từ ngày 25/11/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mùi Văn T.

Giao bị cáo Mùi Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong T2 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2022 bị cáo Mùi Văn T kháng cáo với nội dung không nhất trí với việc thay đổi Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can của Cơ quan điều tra là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội bị cáo theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng là oan, sai, không đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 14/2023/HS-PT, ngày 9/03/2023 của

Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 2 Điều 358; khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện BY, tỉnh Sơn La để giải quyết theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Lý do, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc áp dụng pháp luật.

Tại Bản án số: 23/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện BY đã Quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Mùi Văn T phạm tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Xử phạt bị cáo Mùi Văn T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, được khấu trừ vào thời hạn bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/7/2021 đến ngày 15/6/2022. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mùi Văn T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2023 bị cáo Mùi Văn T kháng cáo với nội dung:

- Đề nghị trung cầu giám định bổ sung giấy đăng ký xe ô tô mang tên Mùi Văn Đ, do Kết luận giám định số 195/KL-KTHS ngày 06/7/2023 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an chưa giám định đối với mẫu hình dấu tròn;

- Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số: 23/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện BY, tuyên bị cáo không phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; đình chỉ giải quyết vụ án;

- Đình chỉ vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo rút kháng cáo đối với nội dung: Đề nghị trung cầu giám định bổ sung giấy đăng ký xe ô tô mang tên Mùi Văn Đ, do Kết luận giám định số 195/KL-KTHS ngày 06/7/2023 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an chưa giám định đối với mẫu hình dấu tròn; đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số: 23/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện BY, tuyên bị cáo không phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; đình chỉ giải

quyết vụ án; đình chỉ vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của bị cáo, ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mùi Văn T sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Mùi Văn T phạm tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Xử phạt bị cáo 26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 54 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời bào chữa của Luật sư Vũ Đức TH bào chữa cho bị cáo Mùi Văn T: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình công tác bị cáo được Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh Sơn La tặng 01 Bằng khen cá nhân do có thành tích xuất sắc trong công tác; đồng thời bị cáo có ông nội là Mùi Văn Hồn, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; bố đẻ là ông Mùi Văn Thường (Mùi Xuân Thường) được Hội đồng Nhà Nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Áp dụng điểm s, v khoản 1 Điều 51, Điều 52 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP về án treo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Mùi Văn T thực hiện trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức, đúng chủ thể và phạm vi kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng và người T1 hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng và

người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng và người T1 hành tố tụng đã thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đều hợp pháp.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận được thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã quy kết; thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan, cụ thể đã thực hiện hành vi như sau:

[2.1.1] Năm 2018 bị cáo Mùi Văn T đã dùng điện thoại di động chụp ảnh 02 mặt của bản gốc giấy đăng ký xe ô tô bán tải, nhãn hiệu ISUZUDMAX, biển kiểm soát 26C-077.85. Sau đó nhờ người khác in ra một bản có màu với mục đích làm giả để lưu hành tham gia giao thông. Ngày 31/01/2018, T cùng vợ mang giấy đăng ký xe ô tô bản gốc đến Ngân hàng VPBANK để làm thủ tục thế chấp chiếc xe ô tô vay số tiền 545.000.000 đồng với mục đích mua xe ô tô.

[2.1.2] Tháng 01/2020, Mùi Văn T dùng giấy đăng ký xe ô tô đã in màu cùng giấy đăng kiểm, giấy bảo hiểm xe ô tô để cầm cố chiếc xe ô tô bán tải, nhãn hiệu ISUZUDMAX, biển kiểm soát 26C-07785 vay tiền anh Nguyễn Xuân T2 tổng số tiền là 380.000.000 đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, T không nói cho anh T2 biết chiếc xe đang được thế chấp tại Ngân hàng VPBANK và cũng không nói đây là giấy đăng ký xe ô tô giả.

[2.1.3] Do không có tiền trả nợ cho anh T2, tháng 3/2020, Mùi Văn T dùng giấy đăng ký xe ô tô giả, giấy đăng kiểm, giấy bảo hiểm xe ô tô để bán xe ô tô cho anh Nguyễn Xuân T1 với giá 430.000.000 đồng. Quá trình giao dịch T cam kết với anh T1 rằng chiếc xe không có tranh chấp và các giấy tờ đều là bản gốc. Sau khi anh T1 đi đăng kiểm xe mới phát hiện giấy đăng ký xe ô tô là giả, lúc này T mới thừa nhận đã giao cho anh T1 giấy đăng ký xe ô tô giả.

[2.2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với: Lời khai của nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Phù hợp với Kết luận giám định số: 1218 ngày 30/6/2021 của phòng PC09 Công an tỉnh Sơn La kết luận giấy đăng ký số 013203 biển kiểm soát 26C-077.85 mang tên Mùi Văn Đ cấp ngày 29/01/2018 là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả; phù hợp với Kết luận giám định số Kết luận giám định số 195/KL - KTHS, kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013203, BKS: 26C - 07785 mang tên Mùi Văn Đ (bị cáo T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra ngày 28/6/2022), ký hiệu A1 là chứng nhận đăng ký xe ô tô thật (bao gồm mẫu in, hình dấu, chữ ký); Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013203, BKS: 26C - 07785 mang tên Mùi Văn Đ (thu giữ từ Nguyễn Xuân T1 giao nộp ngày 09/6/2021), ký hiệu A2 là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (bao gồm mẫu in, hình dấu, chữ ký); Chứng nhận đăng ký số 013203, BKS: 26C - 07785 mang tên Mùi Văn Đ, ký hiệu A2 được sao in từ bản gốc là Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013203, BKS: 26C - 07785 mang tên Mùi Văn Đ, ký hiệu A1; Phù hợp với kết luận giám định chữ ký, chữ viết trong hợp đồng mua bán xe, phù hợp với kết luận định giá tài sản đối với xe ô tô biển kiểm soát 26C -



077.85.

[2.3] Khi thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả để thực hiện giao dịch cầm cố, mua bán xe ô tô, bị cáo Mùi Văn T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Như vậy, hành vi của bị cáo Mùi Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Mùi Văn T về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2.4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo có quá trình công tác được Ban chấp hành LĐLĐ tỉnh Sơn La tặng 01 Bằng khen cá nhân do có thành tích xuất sắc trong công tác; đồng thời bị cáo có ông nội là Mùi Văn Hồn, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; bố đẻ là ông Mùi Văn Thường (Mùi Xuân Thường) được Hội đồng Nhà Nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba. Do đó Tòa án nhân dân huyện BY áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” và “gia đình bị cáo có công với Cách mạng” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xem xét cho bị cáo hưởng án treo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày bản án của Tòa án nhân dân huyện BY kết tội bị cáo là đúng pháp luật, không oan sai, bị cáo thấy ăn năn hối hận. Đó là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.5] Xét đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án nhân dân huyện BY căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo với mức án 26 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo điều 65 Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đảm bảo biện pháp cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mùi Văn T; sửa bản án sơ thẩm số 23/2023/HS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện BY như sau:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Mùi Văn T phạm tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Xử phạt bị cáo Mùi Văn T 26 (hai mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 52 (năm mươi hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 30/9/2023.

Giao bị cáo Mùi Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn BY, huyện BY, tỉnh Sơn La, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục.

T2 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Mùi Văn T.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án: Bị cáo Mùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày

30/9/2023)./.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện BY;
- Chi cục THADS huyện BY;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lại Thị Hiếu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Tuyên  
Thanh**

**Cầm Văn**

**Lại Thị Hiếu**

